

Số: /2022/NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG  
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 10 (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTC ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường do cơ quan trung ương thực hiện;*

*Xét Tờ trình số 729/TTr-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang, cụ thể như sau:

### 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.

### 2. Đối tượng áp dụng

#### a) Đối tượng nộp phí:

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh thực hiện thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.

#### b) Đơn vị thu phí:

Sở Tài nguyên và Môi trường thu phí đối với dự án, cơ sở hoạt động thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Phòng Tài nguyên và Môi trường thu phí đối với dự án, cơ sở hoạt động thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Mức thu phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

Stt	Đối tượng thu phí thẩm định	Mức phí thu (đồng/hồ sơ)	
		Cấp tỉnh	Cấp huyện
1	Cấp, cấp lại giấy phép môi trường đối với dự án đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	8.200.000	

2	Cấp, cấp lại giấy phép môi trường đối với dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường	12.000.000	4.800.000
3	Cấp, cấp lại giấy phép môi trường đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động	10.100.000	4.300.000
4	Điều chỉnh giấy phép môi trường	4.200.000	2.600.000

a) Mức thu phí được tính theo lần thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường.

b) Mức thu phí không bao gồm chi phí lấy mẫu, phân tích chất thải theo quy định.

#### 4. Đối tượng miễn giảm thu phí

a) Mức thu phí thẩm định cấp, cấp lại giấy phép môi trường đối với trường hợp Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định họp thẩm định lần đầu không thông qua: Bằng 50% mức phí thẩm định nộp lần đầu tương ứng.

b) Đối với trường hợp cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép môi trường do lỗi của cơ quan thẩm định trước đó thực hiện sẽ không thu phí.

#### 5. kê khai, nộp, quản lý phí

a) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường phải nộp phí đủ một lần bằng hình thức tiền mặt hoặc thanh toán điện tử cho cơ quan thu phí sau khi có văn bản thông báo nộp phí theo quy định.

b) Tổ chức thu phí nộp 100% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho công tác thu phí, thẩm định hồ sơ do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

c) Việc quản lý phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thực hiện theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí và các quy định hiện hành.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Khóa X Kỳ họp thứ 10 (chuyên đề) thông qua ngày 11 tháng 11 năm 2022, có hiệu lực từ ngày 21 tháng 11 năm 2022 và thay thế Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ

thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang.

***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTWQH;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế các bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo Nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại tỉnh An Giang;
- Báo An Giang, Đài PT-TH An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm Công báo - Tin học, Cổng thông tin điện tử Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND-M.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Nung**